

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/BC-DHCD

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

## BÁO CÁO

### THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018 NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2019

Kính thưa: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, nhiệm vụ giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

#### Phần I

#### KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2018

##### 1. Tình hình chung

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

Với phương châm hành động “Kỷ cương, liên chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả”, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, trọng tâm là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018. Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tiếp tục cắt giảm thực chất điều kiện kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi cho thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; tổ chức nhiều Hội nghị chuyên đề để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất của các

ngành, các địa phương; đẩy mạnh triển khai thực hiện các hiệp định thương mại nhằm tìm kiếm thị trường, thúc đẩy sản xuất trong nước, nỗ lực phấn đấu cao nhất hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2018 tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả nổi bật

Năm 2018, Tập đoàn TKV nói chung và Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Cơ chế chính sách chỉ đạo của Trung ương đến Chính phủ có nhiều sự thay đổi, đòi hỏi phải đổi mới về quản trị, mô hình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; thị trường tiêu thụ than đổi mới với sự cạnh tranh khốc liệt; diễn biến thời tiết phức tạp, song với tinh thần đoàn kết "Kỷ luật và Đồng tâm" dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, sự nỗ lực, cố gắng của CBCN người lao động của Công ty với tinh thần "Chủ động - Sáng tạo - Quyết liệt" Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao cho.

## 2. Kết quả SXKD của Công ty năm 2018 (có biểu chi tiết kèm theo)

- Than nguyên khai sản xuất 2.798.940/ 2.450.000 tấn, bằng 114,2% so với Nghị quyết của DHCD năm 2018, bằng 108,8 % so với năm 2017; trong đó:

+ Than hàm lò sản xuất 2.549.016/2.250.000 tấn, bằng 113,3% so với nghị quyết của DHCD năm 2018, bằng 109,4% so với năm 2017;

+ Than lò vỉa: 101.461/100.000 tấn, bằng 101,5% so với Nghị quyết của DHCD năm 2018, bằng 71,5% so với năm 2017;

+ Than giao thầu: 148.463/100.000 tấn, bằng 148,5% so với Nghị quyết DHCD năm 2018, bằng 147,4 % so với năm 2017;

- Mét lò đào mới: 30.003/25.680 m, bằng 116,8% so với Nghị quyết của DHCD năm 2018, bằng 101,8% so với năm 2017;

- Than sạch sản xuất: 2.396,9/2.094 nghìn tấn, bằng 114,5% so với Nghị quyết DHCD năm 2018, bằng 109,2% so với năm 2017;

- Bóc đất đá lộ vỉa: 943,3/920 nghìn m<sup>3</sup>, bằng 102,5% so với Nghị quyết DHCD năm 2018, bằng 72,8% so với năm 2017.

- Tiêu thụ than: 2.733,6/2.244 nghìn tấn, bằng 121,8% so với Nghị quyết DHCD năm 2018, bằng 133,5% so với năm 2017.

- Doanh thu tổng số: 4.254.154/3.276.880 triệu đồng, bằng 129,8% so với Nghị quyết của DHCD năm 2018, bằng 147,3% so với năm 2017.

### 2.7- Giá thành và giá bán:

+ Giá thành sản xuất: 1.464.515/1.210.271 đồng/tấn; bằng 121 % so năm 2017;

+ Giá thành tiêu thụ: 1.518.338/1.390.262 đồng/tấn; bằng 109,2 % so năm 2017;

+ Giá bán bình quân: 1.557.390/1.412.284 đồng/tấn; bằng 110,3% so năm 2017;

- Tiền lương và thu nhập:

+ Quỹ lương thực hiện: 938.680,5/728.236 triệu đồng; bằng 128,9 % so với năm 2017;

+ Thu nhập lương bình quân: 13.300.000/10.803.000 đồng/người-tháng, bằng 123,1% so với năm 2017.

+ Lao động sử dụng bình quân trong năm: 5.536 người/KH 5.538 người, bằng 99,96 % ;

- Công tác đầu tư: Giá trị thực hiện ĐTXD: 433,4 /252,0 tỷ đồng bằng 172% kế hoạch năm và bằng 56,2% so với năm 2017.

2.10- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước: Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, tổng số tiền nộp ngân sách năm 2018 là 930,87/895,34 tỷ đồng, bằng 103,97% so với năm 2017.

2.11- Hiệu quả sản xuất kinh doanh: Công ty đã tiến hành thuế kiểm toán độc lập thực hiện chế độ kiểm toán theo quy định. Lợi nhuận trước thuế: 85.256,3/41.145 triệu đồng, bằng 207,21 % so với Nghị quyết của năm DHCD năm 2018, bằng 220,4% so với năm 2017;

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 81,15%, năm 2017 là 85,4%;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 2,05%; năm 2016 là 0,91 %

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH: 13,87%; năm 2017 là 6,66%

2.12. Một số công việc khác.

- Về tổ chức điều hành: Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được DHDCD thông qua; đề ra cơ chế điều hành và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, chủ động cân đối sản xuất-tiêu thụ phù hợp, giám sát tồn kho, tăng cường sản xuất các chủng loại than thị trường có nhu cầu cao như than cục và than cám 3; Tập trung điều hành sản xuất theo nhu cầu tiêu thụ. Công ty đã chủ động sản xuất tăng 270.000 tấn so với kế hoạch đầu năm để đáp ứng nhu cầu than của TKV và thị trường.

- Về công tác tổ chức sản xuất: Trên cơ sở đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua, Công ty đã tiến hành tái cơ cấu sản xuất giải thể 01 phân xưởng, sáp nhập phân xưởng Chế biến than vào phân xưởng Tuyển than để bổ sung nguồn lực lao động cho các đơn vị khác, giám đốc mới gián tiếp điều hành; tiết giảm 10 lao động của Px Tuyển Vàng Danh 2 (trong đó lao động quản lý là 08 người và lao động phục vụ, phụ trợ là 02 người)

- Về quản trị doanh nghiệp: Thực hiện nhiều giải pháp quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; quản trị chi phí, quản lý vật tư, lao động tiền lương, kế toán thống kê, quản lý dòng tiền; sửa đổi, bổ sung hoàn thiện một số quy chế liên quan đến quản lý của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và quy định của Tập đoàn, của Nhà nước.

- Về quản lý tài nguyên, ranh giới môi: Công ty đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp quản lý, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên than, không

đề thất thoát. Trong năm không đề xảy ra khai thác than trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ Công ty được giao quản lý.

## Phần II

### KẾ HOẠCH VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH SX-KD NĂM 2019

#### 1. Tình hình chung

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2019 tiếp tục được hưởng lợi nhờ triển vọng lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu và các yếu tố tích cực nội tại, như: môi trường kinh tế vĩ mô ổn định hơn, niềm tin vào cải cách môi trường đầu tư kinh doanh ít nhiều được củng cố, vị thế của một nước thu nhập trung bình và ưu tiên thực hiện hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt một số rủi ro, thách thức chủ yếu. Theo đó, với độ mở lớn cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng, dự báo kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế quốc tế.

Năm 2019, Dự báo nhu cầu tiêu thụ than năm 2019 có sự tăng trưởng mạnh mẽ đối với tất cả các ngành sử dụng. Bên cạnh đó dự báo giá bán than xuất khẩu năm 2019 có xu hướng tăng so với năm 2018. Đó là những yếu tố quan trọng để các đơn vị trong TKV thúc đẩy sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD.

#### 2. Đối với Công ty

##### a) Khó khăn

Năm 2019, sản lượng than khai thác tập trung sản xuất ở 2 khu vực Giếng Vàng Danh, Giếng Cánh Gà, diện sản xuất ngày càng xuống sâu hơn và vào xa hơn, điều kiện địa chất, thông gió, thoát nước phức tạp làm ảnh hưởng lớn đến công tác khai thác đào lò, phát sinh thêm nhiều chi phí, làm cho giá thành sản xuất tăng cao. Trong khi đó việc tuyển dụng thợ lò gặp rất nhiều khó khăn; ngoài ra thời tiết dự báo diễn biến khó lường; giá cả đầu vào dự báo có xu hướng tăng cao trở lại, các chi phí bảo vệ môi trường, thuế, phí,... tăng cao, gây nhiều khó khăn cho việc điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019.

##### b) Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, điều hành và tháo gỡ khó khăn của Tập đoàn, sự ủng hộ, giúp đỡ của chính quyền địa phương, sự chia sẻ của các đối tác, bạn hàng là những điều kiện thuận lợi để Công ty thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019.

Nhu cầu tiêu thụ than của thị trường và giá bán than xuất khẩu tăng so với năm 2018; Năm 2018 kết quả SXKD về cơ bản hoàn thành vượt mức kế hoạch mà DHDGD giao, việc làm và thu nhập CNCB được duy trì ổn định; Những kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành của năm 2018 và mô hình tổ chức, cơ chế quản lý, tái cơ cấu trong những năm qua từng bước được hoàn thiện; cơ sở hạ tầng, môi trường khu mỏ được cải thiện đáng kể tạo điều kiện thuận lợi để bước vào thực hiện kế hoạch năm 2019

#### 3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
I	Than nguyên khai	1000 tấn	3.150	
1	Than hàm lò	"	2.700	
2	Than lộ thiên	"	200	
3	Than giao đầu	"	250	
II	Than sạch	1000t	2.677	
III	Mét lò mới	mét	30.780	
V	Bóc đất đá	1000 m3	2.130	
VI	Đầu tư xây dựng	tr.đ	470.911	
VII	Tiêu thụ	1000 tấn	2.677	
VIII	Doanh thu than	tr.đ	3.933.043	
IX	Lợi nhuận	tr.đ	52.794	

#### 4. Mục tiêu, giải pháp điều hành kế hoạch 2019:

4.1. Mục tiêu điều hành kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty là: Sản xuất than đảm bảo an toàn, đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu thụ than của thị trường; đầu tư hợp lý, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu, đổi mới kỹ thuật công nghệ, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động để tăng suất, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững. Cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ thợ lò. Mục tiêu chung là **"AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN"**.

#### 4.2 Các giải pháp điều hành kế hoạch 2019:

Căn cứ mục tiêu, các giải pháp nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh giai đoạn 2016-2020; Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020 đã được TKV, Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua; giải pháp chủ yếu chi đạo, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019 của Tập đoàn; Nghị quyết của Đảng ủy, HĐQT và tình hình cụ thể của Công ty. Các đơn vị trong Công ty tổ chức triển khai chi đạo, điều hành, thực hiện kế hoạch SXKD theo các giải pháp trọng tâm chủ yếu sau:

##### a) Về tổ chức, quản lý, điều hành sản xuất- tiêu thụ:

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất 3,15 triệu tấn than nguyên khai, Công ty chủ động điều hành, cân đối hài hòa giữa sản xuất - tiêu thụ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ than của thị trường.

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo, điều hành sản xuất theo nguyên tắc "Chủ động - Sáng tạo - Quyết liệt" trên cơ sở điều kiện sản xuất của Công ty, của từng đơn vị, từng dây chuyền, với phương châm tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sản xuất.

Tổ chức kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu công nghệ, định mức kỹ thuật; Quản lý chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch đến nghiệm thu và có giải pháp tối ưu các chỉ tiêu công nghệ, thông số kỹ thuật để phát huy năng suất, công suất thiết bị, giảm tối đa khối lượng phát sinh ngoài kế hoạch;

**b) Về hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị Công ty:**

+ Căn cứ đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017 - 2020 để triển khai tình hình giám các đầu mối gọn nhẹ, phù hợp. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ cấu các phòng ban chức năng, phân xưởng, từ đó định biên số lượng lao động một cách hợp lý, tiết kiệm, tinh giảm lực lượng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ. Tập trung lao động cho sản xuất chính, phù hợp với định mức, định biên do TKV ban hành và điều kiện thực tế của Công ty.

+ Nâng cao ý thức trách nhiệm "Tận tâm - Tận lực" trong công việc của từng CBCNVLD trong Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phải đổi mới cách nghĩ, cách làm, tư duy sáng tạo trong công việc, để hoàn thành nhiệm vụ, công việc được giao một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất và an toàn nhất.

**c) Về công tác đầu tư:**

Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư và đưa vào sử dụng các công trình: Trạm quạt mức +215 Khu Cánh Gà; Tự động hóa tuyến băng tải khu Vàng Danh; Thiết bị duy trì sản xuất và phục vụ đảo lò năm 2019; Cải tạo công nghệ nhà máy tuyển than Vàng Danh I; Hệ thống điều hòa sử dụng hơi nước bão hòa và nổi hơi; Đầu tư xây dựng công trình nhà chờ, nhà để xe máy và bãi quay xe khu Vàng Danh.....; Tăng cường việc kiểm tra, giám sát chất lượng các hạng mục, công trình XD/CB đảm bảo chất lượng và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước

Thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục trình tự đầu tư theo quy định của pháp luật, của Nhà nước và của TKV; chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt dự án, kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chính sách về XD/CB, không để xảy ra sai sót, nhầm lẫn.

Nâng cao chất lượng giám sát, nghiệm thu, kiểm soát tiến độ, chất lượng thi công các công trình xây dựng đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ và hiệu quả của các dự án. Đồng thời tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các công trình đầu tư đã hoàn thành.

**d) Về quản trị tài nguyên:**

Tăng cường việc nghiên cứu chỉnh sửa tài liệu địa chất nguyên thủy cho sát với thực tế, giảm thiểu các rủi ro khách quan do yếu tố địa chất, đẩy mạnh tiến độ khoan thăm dò phục vụ sản xuất nhằm bổ sung tài liệu phục vụ khai thác. Hoàn thành báo cáo địa chất thăm dò cơ giới hóa mức -175 Cánh gà; báo cáo địa chất thăm dò bổ sung mức -350.

Khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu địa chất hiện có, làm cơ sở cho việc lựa chọn áp dụng các công nghệ khai thác hợp lý, thiết kế đúng quy chuẩn, quy định, phù hợp với điều kiện địa chất của từng khu vực, nâng cao hệ số thu hồi than nóc vỉa dày, vùng vỉa dốc, góp phần tăng năng suất lao động, đảm bảo an toàn.

**e) Đẩy mạnh áp dụng công nghệ mới công nghệ khai thác than:**

Năm 2018 Công ty đã áp dụng thành công hệ thống cơ giới hóa khai thác than, do đó trong năm 2019 tiếp tục chủ động đổi mới công nghệ, thiết bị khai thác than hầm lò; hoàn thiện công nghệ cơ giới hóa đồng bộ hạ tầng thu hồi than nóc lò chợ 1-8-3A, công nghệ lò chợ xiên chéo via dốc chống dàn mềm, nhằm tăng năng suất, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao mức độ an toàn, tiết kiệm tài nguyên.

Tăng cường nghiên cứu, phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai áp dụng CGH hạng nhẹ trong khai thác lò chợ, nêu đi điều kiện triển khai các bước thiết kế đào lò, khai thác, mua sắm thiết bị. Tiếp tục phát huy các công nghệ hiện đang phù hợp với điều kiện địa chất mỏ như giá thủy lực di động dạng khung, xích, ZRRY, máy xúc đào lò... Nghiên cứu đổi mới, nâng cao hiệu quả các khâu công nghệ đào chống lò như công tác khoan nổ mìn, công tác xúc bốc, vận tải than, đất đá và công tác chống giữ lò nhằm tăng năng suất, tốc độ đào lò và duy trì sự ổn định của hệ thống đường lò trong quá trình sử dụng; (iii) Tăng cường các giải pháp nâng cao tỷ lệ mét lò chống neo hàng năm; từng bước làm chủ công nghệ chống neo lò than, các giải pháp gia cố bảo vệ đường lò như neo cáp, khoan ép, khoan lỗ khoan giảm áp...

#### **f) Công tác cơ điện, vận tải và sàng tuyển**

Thường xuyên củng cố, sửa chữa duy tu, duy trì hoạt động ổn định của các hệ thống dây chuyền, thiết bị vận tải từ trong hầm lò ra ngoài mặt bằng, đặc biệt hệ thống dây chuyền vận tải giéng Vàng Danh, giéng Cảnh Gà; hệ thống sàng tuyển; hệ thống điện dự phòng để đáp ứng nhu cầu sản xuất, vận tải, sàng tuyển năm 2019 và những năm sau;

Tăng cường kiểm soát, nâng cao chất lượng lập các biện pháp, thiết kế, yêu cầu khi lập phải tính toán đầy đủ các chủng loại thiết bị có công suất phù hợp với nhu cầu sử dụng, giảm đến mức thấp nhất về số lượng, chủng loại thiết bị trong dây chuyền, lựa chọn phương án vận tải tối ưu (ưu tiên dùng băng tải ở những tuyến vận tải có định có thời gian duy trì dài); hạn chế tối đa thiết bị chạy non tải; tiếp tục tự động hóa hệ thống điều khiển tuyến băng tải về nhà máy tuyển; biến tần; thực hiện đầu nối liên động các dây chuyền vận tải, để nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị, giảm lao động vận hành, phụ trợ và tiết kiệm điện năng.

Tiếp tục cải thiện điều kiện đi lại làm việc trong hầm lò cho công nhân bằng các biện pháp điều chỉnh ga đưa đón song loan chờ người phù hợp với tiến độ sản xuất, hạn chế để công nhân phải đi bộ xa. Duy trì hoạt động ổn định của các hệ thống tờ chờ người hiện có. Đồng thời rà soát, bổ sung việc lắp đặt các monoray vận tải, thuyền trượt để chở vật liệu nhằm giảm sức lao động cho công nhân, tăng NSLĐ.

Tổ chức điều hành, cân đối sàng tuyển than phù hợp giữa Nhà Máy sàng tuyển Vàng Danh I và Vàng Danh II; Sàng tuyển chế biến pha trộn ra các chủng loại than đáp ứng tối đa theo yêu cầu tiêu thụ của TKV, nguyên tắc chung là than nguyên khai sản xuất ra đến đầu phải sàng tuyển hết đến đó, hạn chế tối đa việc đổ than nguyên khai ra kho bãi, làm tăng chi phí bốc xếp, vận chuyển. Đồng thời, phải đảm bảo chất lượng và hệ số thu hồi than sạch.

#### **g) Công tác quản trị chi phí.**

Thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi phí, đặc biệt quan tâm việc tiết kiệm chi phí là giải pháp sống còn đối với Công ty, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh; Tiếp tục hoàn thiện mô hình, phương pháp khoán chi phí theo công đoạn sản xuất cho các phân xưởng, duy trì việc giao khoán tài nguyên, khoán chất lượng than nguyên khai cho các đơn vị khai

do chủ quan thì phải bồi hoàn 100% đối với phần bội chi. Nếu phần xướng nào 02 năm liền bội chi thì sẽ xem xét trách nhiệm Quản đốc theo quy chế quản lý Công ty; Nghiên cứu áp dụng phần mềm quản trị chi phí vào công tác quản trị chi phí của Công ty.

**h) Quản lý và sử dụng vốn:**

Huy động và sử dụng vốn cho các dự án đầu tư theo kế hoạch, đúng mục đích, hiệu quả và an toàn tài chính;

Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và nguồn vốn tránh rủi ro về tài chính; chú trọng công tác kế toán quản trị để kịp thời cung cấp thông tin phục vụ điều hành và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp;

Quản lý tốt tài sản, nguồn vốn, điều hành linh hoạt, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn nhằm bảo toàn và phát triển vốn.

**l) Lao động và tiền lương**

Tiếp tục tổ chức rà soát xác định lại định biên lao động cho từng công đoạn sản xuất, các khâu quản lý, phục vụ, công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, đảm bảo tỷ trọng quỹ lương giữa các khối, hệ số giữa các khâu các chức danh ngành nghề theo đúng quy định và mô hình mẫu của TKV

**j) Công tác thanh tra, bảo vệ:** Tăng cường kiểm tra quản lý, bảo vệ trật tự ranh giới mỏ, quản lý than; chú trọng công tác bảo vệ vật tư, tài sản của Công ty, giữ vững an ninh trật tự xã hội trong khu mỏ; kiểm tra quản lý lao động, phân phối tiền lương, thưởng ở các đơn vị; kiểm tra quản lý công tác thuê ngoài, mua bán vật tư, thiết bị và công tác nghiệm thu thanh quyết toán.

Phối hợp chặt chẽ với Chính quyền địa phương và các đơn vị trên địa bàn đề quản lý tốt tài nguyên, tài sản của Công ty, ngân sách kịp thời các hành vi khai thác than trái phép.

**l) Về đời sống lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp**

Tiếp tục thực hiện việc đưa đón CBCNV từ nơi ở đến vị trí làm việc. Duy trì tốt việc chăm sóc người lao động từ ăn uống, tắm giặt, vui chơi, giải trí, thăm quan, nghỉ dưỡng và khám chữa bệnh.

Làm tốt công tác từ thiện giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Xây dựng các nhà tình nghĩa và tặng các phần quà cho người nghèo nhân ngày Tết cổ truyền của dân tộc.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan doanh nghiệp trên địa bàn trong các hoạt động công đồng tạo một sự gắn kết và phát triển hài hòa.

Trên đây là toàn bộ những nội dung Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2019 của Công ty. Đề nghị Đại hội ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và tiêu thụ để quyết định điều hành kế hoạch SXKD năm 2019 cho phù hợp trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của cổ đông và bảo toàn phát triển nguồn vốn.

xin trân trọng báo cáo trước Đại hội! *PVM*

**Nơi nhận:**

- Cổ đông của Công ty;
- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Phòng CV (Đăng trên WeBSITE);
- Lưu VT, HĐQT.



**Phạm Văn Minh**



## KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo thực hiện Nghị quyết DHĐCĐ năm 2018, nhiệm vụ, giải pháp năm 2019)

STT	Chi tiêu	ĐVT	KH ĐHCĐ thông qua	Thực hiện		So sánh TH/KH (%)
1	Than nguyên khai	tấn	2.450.000	2.798.940		114,2
	- Than hàm lò	"	2.250.000	2.549.016		113,3
	- Than lò thiên	"	100.000	101.461		101,5
	- Than giao thầu	"	100.000	148.463		148,5
2	Than sạch	"	2.094.000	2.396.964		114,5
3	Mét lò mới	Mét	25.680	30.003		116,8
5	Bóc đất đá	m <sup>3</sup>	920.000	943.320		102,5
6	Than tiêu thụ	Tấn	2.244.000	2.733.628		121,8
7	Đầu tư xây dựng	trệu đồng	452.066	433.400		104,3
8	Doanh thu than	Tr.đ	3.276.880	4.254.154		129,8
	Lợi nhuận	Tr.đ	41.145	85.256		207,2



TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/BC-DHCD

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

## BÁO CÁO

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông

Căn cứ chức năng quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomim và Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng, HĐQT Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2018, phương hướng nhiệm vụ HĐQT năm 2019 như sau:

#### I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018:

Năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện 34 lần tổ chức họp và ban hành 34 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Các kỳ họp Hội đồng quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện đáp ứng yêu cầu, mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. (phụ lục các cuộc họp HĐQT kèm theo).

#### Về nhiệm vụ giám sát của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, tiến khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đề ra. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc tiêu chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

- Ban lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

\* *Tom lại:* Năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông.

#### II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019.

Trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2019, cụ thể như sau:

Giám đốc về kế hoạch thực hiện năm 2019 đã nêu.

1. Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu như trong báo cáo của Ban Giám đốc về kế hoạch thực hiện năm 2019 đã nêu.
2. Tập trung thực hiện các dự án đầu tư xây dựng năm 2019 theo kế hoạch đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư của các công trình.
3. Tập trung đầu tư và chỉ đạo kiên quyết giữ vững an toàn trong sản xuất;
4. Tiếp tục triển khai đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017 - 2020 hướng tới cơ cấu tổ chức sản xuất gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời phải xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.

5. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.. Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm.

6. Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018, phương hướng năm 2019, Hội đồng quản trị xin báo cáo Quý vị cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Ủy viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Phòng CV (Đường trên Website);
- Lưu VT, HĐQT.



CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CN-THANKS VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THAN VÀNG DANH - VINACOMIN**

*Quảng Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2019*

Số: 03 /2019/BC-TVĐ-BKS

### **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

V/v giám sát hoạt động quản lý điều hành của HDQT và BGD Công ty

**Thẩm định báo cáo tài chính Công ty năm 2018**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68 ngày 26/11/2014, Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2015;

Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động và phương án SXKD năm 2018 của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty;

Căn cứ các văn bản Quản lý điều hành của HDQT và Ban giám đốc Công ty.

Căn cứ quy định hiện hành về quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước đại hội kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty như sau:

#### **PHẦN 1**

#### **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Trong năm 2018 Ban kiểm soát công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Giám sát hoạt động điều hành của HDQT, thông qua việc thực thi các văn bản quản lý của Nhà nước, Tập đoàn, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Giám sát Ban giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn, việc thực hiện triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HDQT, các văn bản quản lý khác của Nhà nước và Tập đoàn.

Kiểm soát việc xây dựng, tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nội bộ để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Giám sát việc thực thi pháp luật và công bố thông tin của Công ty theo quy định.

Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm; Báo cáo công tác điều hành của HDQT và Ban giám đốc Công ty trình HĐQT TKV, Đại hội Cổ đông Công ty và các cơ quan quản lý Nhà Nước. Kiểm tra độ tin cậy của số liệu báo cáo tài chính (bao gồm tài sản, công nợ,

vốn, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, thuế nộp cho nhà nước); thông tin kinh tế và các báo cáo khác của Công ty.

Giám sát tính khả thi và tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty; mức độ hoàn thành các mục tiêu và chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc của Hội đồng quản trị Công ty, trong đó chủ yếu là chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần, tình hình sử dụng lợi nhuận sau thuế; tình hình sử dụng các quỹ của Công ty.

Giám sát việc phối hợp lãnh đạo Công ty thông qua Nghị quyết liên tịch giữa Đảng ty, Công đoàn, Đoàn thanh niên với HĐQT và Ban giám đốc.

Giám sát các đơn vị trong nội bộ Công ty trong việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; quy chế quản lý các chi phí trong nội bộ Công ty.

Giám sát các đơn vị trong nội bộ Công ty trong việc thực hiện hợp đồng lao động. Quy chế lương; việc trả lương cho người lao động; việc chi trả tiền thưởng, thực hiện quyền lợi về phúc lợi; chế độ trợ cấp thôi việc, mất việc từ Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm(nếu có) và các quyền lợi khác của người lao động.

Xem xét đến tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực như Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng và chế độ của người lao động.

Giám sát Ban giám đốc Công ty trong việc thực thi những kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và hệ thống kiểm soát nội bộ...

Đề xuất để lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, kết quả công tác kiểm toán độc lập và các ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty.

Tham gia một số cuộc họp của HĐQT và Ban giám đốc(Khi được mời họp) với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác; Trao đổi tham gia ý kiến thẳng thắn, trung thực, khách quan với HĐQT và Ban giám đốc Công ty

Thường xuyên giữ mối liên lạc giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty và các cổ đông.

Thực hiện quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

## PHẦN 2

### KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT Công ty:

Trong năm 2018 HĐQT đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình thông qua Quy chế hoạt động, thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành các nghị quyết, Quy chế, Quyết định, Quy định và tổ chức kiểm tra phù hợp.

Thực hiện chỉ đạo Ban giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác trong Công ty thực hiện nghiêm túc các Văn bản quản lý của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty; xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, kịp thời với biến động các chỉ tiêu hàng kỳ và kế hoạch tài chính kèm theo đồng thời tổ chức thực hiện.

HDQT đã chủ động xây dựng chiến lược phát triển Công ty năm 2018 và các năm tiếp theo. Quyết định cơ cấu tổ chức phù hợp, quy chế quản lý nội bộ và các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền. Xây dựng công tác đào tạo cán bộ phù hợp từng thời kỳ.

Thông qua hoạt động của HDQT và việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quản lý, kịp thời đã giúp cho việc quản trị và điều hành của Công ty trong năm đạt được hiện quả tốt hơn.

Năm 2018 HDQT đã tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến tham gia và thông qua 34 Nghị quyết bao gồm nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản lý như :

Công tác tổ chức cán bộ; Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018 điều chỉnh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018;

Phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty;

Các văn bản quản lý của HDQT ban hành đảm bảo phù hợp với điều kiện và thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như quy định của TKV và Pháp luật Nhà nước.

Về công tác tổ chức thực hiện của Ban giám đốc Công ty :

Ban giám đốc Công ty trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tổ chức triển khai nghiêm túc các chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của HDQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty.

Kịp thời đề xuất với HDQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý trong Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý theo thẩm quyền điều hành.

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của toàn Công ty và trong từng đơn vị trong nội bộ Công ty;

Tích cực tuyên truyền vận động công nhân viên chức trong Công ty thực hiện tốt công tác môi trường, an sinh xã hội trên địa bàn và giữ gìn trật tự an toàn trong sản xuất

Trực tiếp thay mặt Công ty ký hợp đồng lao động, các hợp đồng vay và sử dụng vốn vay của Công ty; tình hình cung ứng, phân bổ tiền vốn, nguyên vật liệu, hàng hoá, lao động cho các đơn vị trong nội bộ Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh hoặc cung ứng dịch vụ; tình hình thực hiện các hợp đồng mua, bán tài sản và các hợp đồng kinh tế khác.

Thực hiện thỏa ước lao động và các hợp đồng lao động đã ký. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Chỉ đạo điều hành các đơn vị trong nội bộ Công ty trong việc thực hiện hợp đồng lao động, Quy chế lương; việc trả lương cho người lao động; việc chi trả tiền thưởng, thực hiện quyền lợi về phúc lợi; chế độ trợ cấp thôi việc. mất việc từ Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm(nếu có) và các quyền lợi khác của người lao động. Được thực hiện phù hợp với Quy chế, Quy định của Công ty và các Văn bản hướng dẫn của Tập đoàn. Phát hiện kịp thời và có biện pháp xử lý những tồn tại, yếu kém trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy trình; tuyển dụng lao động được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch.

Chi động triển khai điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng ngày, tuần, tháng, năm theo Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các văn bản Tập đoàn Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh bằng chính sách và các giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng kịp thời.

Tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp, quyết định đầu tư đúng thẩm quyền. Thực hiện công tác kiểm toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành phục vụ công tác quyết toán dự án đúng chế độ quy định.

Chi đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mà Nghị quyết đại hội cổ đông đã đề ra. Cụ thể như sau:

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
			QĐ 2339; CV 3615; CV 6783	năm 2018	%
a	b	c	1	2	(3)=2/1
1	Than nguyên khai	tấn	2.720.000	2.798.940	102,90
	-Than lộ thiên	"	100.000	101.461	101,46
	-Than hầm lò	"	2.470.000	2.549.016	103,20
	-Than giao thầu KT	"	150.000	148.463	98,98
2	Than sạch	"	2.330.000	2.396.964	102,87
3	Đất bóc	m <sup>3</sup>	920.000	943.320	102,53
4	Mét lò đào mới	mét	29.616	30.003	101,31
	- Mét lò CBSX	"	29.616	30.003	101,31
	- Mét lò XD CB	"			
5	Than tiêu thụ tổng số	tấn	2.620.000	2.733.628	104,34
6	Tồn kho cuối kỳ báo cáo	tấn		94.102	
	- Than sạch tiêu chuẩn	"		46.128	
	- Than nguyên khai +BTP	"		47.974	
7	Doanh thu tổng số	tr.đ	4.089.004	4.254.154	104,04



8	Đầu tư XD CB	tr.đ	410.968	289.957	70,55
9	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	41.145	85.256	207,21

Sản xuất than nguyên khai: Thực hiện 2.798.940 tấn, bằng 102,9% kế hoạch năm. Đạt 114,2% so với nghị quyết đại hội

Trong đó: Than lộ thiên 101.461 tấn, bằng 101,46% kế hoạch năm. Đạt 101,46% so với nghị quyết đại hội

Than hầm lò 2.549.016 tấn, bằng 103,2% kế hoạch năm. Đạt 113,3% nghị quyết đại hội

Than thuế thầu 148 463 tấn, bằng 98,98% kế hoạch năm. Đạt 148,5% so với nghị quyết đại hội.

Mét lò đào mới: Thực hiện 30.003 mét, bằng 101,31% kế hoạch; Đạt 116,8 so với nghị quyết đại hội.

Đất bóc: Thực hiện 943.320 m<sup>3</sup>, bằng 102,53% kế hoạch năm. Đạt 102,5% nghị quyết đại hội

Than sạch sản xuất: Thực hiện 2.396.964 tấn, bằng 102,87% kế hoạch năm. Đạt 114,5% so nghị quyết đại hội.

Than tiêu thụ: Thực hiện 2.733.628 tấn, bằng 104,34% kế hoạch năm. Đạt 121,8% nghị quyết đại hội.

Doanh thu: Tổng số: 4.254,1 tỷ đồng đạt 104,04% . Đạt 129,8% nghị quyết đại hội.

Lợi nhuận: Tổng số: 85,2 tỷ đồng đạt 207,2% KH. Đạt 207,2% nghị quyết đại hội.

Giá thành và giá bán:

Giá thành sản xuất than: 1.464.515 đồng/tấn bằng 121% so năm 2017

Giá thành tiêu thụ than : 1.518.338 đồng / tấn bằng 109,21% so năm 2017

Giá bán bình quân : 1.557.390 đồng/tấn bằng 110,3% so năm 2017

Lao động và thu nhập:

Lao động bình quân thực hiện 5.536 người/ 5.538 người, bằng 99,96% kế hoạch năm; Tiền lương bình quân thực hiện 13.300.000 đồng/người- tháng, bằng 123,1 % cùng kỳ năm trước.

Các chỉ tiêu cơ bản công ty đã thực hiện đạt và vượt kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2018 với Tập đoàn.

Nộp ngân sách nhà nước : 930,87 tỷ đồng bằng 103,97% so năm 2017.

Tóm lại : Năm 2018 Công ty đã kịp thời, chủ động điều hành sản xuất, bố trí hợp lý lao động và tổ chức sản xuất phù hợp với các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn. Cơ cấu lại lao

động từ phòng ban, phân xướng hợp lý đúng quy định nhằm đảm bảo việc làm ổn định thu nhập của người lao động. Công ty đã kịp thời đưa ra các giải pháp trong công tác quản lý ( Từ chi phí văn phòng phẩm cho đến công tác sửa chữa máy móc thiết bị, tận thu tối đa nguồn lực hiện có của đơn vị...). Kết quả Công ty tăng cao về chỉ tiêu lợi nhuận . Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu dự kiến đạt 7% ( Tuy nhiên năm 2018 số lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân phối sau khi đại Hội Cổ đông thường niên năm 2019).

Năm 2018 HĐQT và Ban giám đốc điều hành đã thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ của mình, phối kết hợp lãnh đạo, quản lý và điều hành công ty thực hiện các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đề ra; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, với Tập đoàn. Bảo toàn và phát triển vốn, tạo sự ổn định cho các năm tiếp theo.

Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trung thành với lợi ích hợp pháp của Công ty và các Cổ đông. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty. Không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để trục lợi cá nhân.

### PHẦN 3

#### THĂM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2018

Ban kiểm soát Công ty thông nhất xác nhận số liệu tại báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam thực hiện.

Trong quá trình thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam Ban kiểm soát Công ty xét thấy phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán, kế toán và chế độ tài chính của Công ty áp dụng trong báo cáo tài chính năm 2018 đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ quy định.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán phản ánh minh bạch, trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính được kết thúc cùng ngày.

Công tác hạch toán kế toán đảm bảo không có sai sót có tính chất trọng yếu, thời gian lập báo cáo tài chính qua các quý, năm đảm bảo đúng thời gian quy định, đúng mẫu biểu đăng ký hiện hành.

Công tác tổ chức bộ máy thống kê, kế toán thực hiện tập trung, phù hợp với quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh và quản lý của Công ty.

Thực hiện chế độ sổ sách, chứng từ kế toán theo đúng quy định tại Quyết định số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn than-khoáng sản Việt Nam được Bộ tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CBKKT ngày 20/12/2006. Mở sổ sách và ghi chép số liệu kế toán rõ ràng, thống kê đầy đủ, lưu trữ chứng từ khoa học, đúng quy định.

Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đúng với hướng dẫn của Tập đoàn.

Thực hiện đảm bảo các quy định về quản lý tài chính, các khoản thu, chi được hạch toán đầy đủ và đúng chế độ;

Công ty đã chủ động cân đối các nguồn lực tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh hợp lý, các chỉ tiêu tài chính lành mạnh, thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước đầy đủ và kịp thời;

Công tác thống kê được theo dõi ghi chép cập nhật tương đối kịp thời, đảm bảo phù hợp với quy trình tổ chức của Công ty;

Ban kiểm soát Công ty thống nhất với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua một số chỉ tiêu sau:

Về hình thức sở hữu vốn:

Vốn điều lệ : 449.628.640.000đ

Vốn Cổ phần Nhà nước: Do Tập đoàn TKV nắm giữ 66,83% bằng 300.487.430.000đ  
Vốn của các cổ đông đóng góp : 33,17% bằng 149.141.210.000 đồng.

**Quản lý vốn, bảo toàn và phát triển vốn:**

+ Vốn chủ sở hữu:

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
Vốn chủ sở hữu	493.568.897.294	512.433.190.633
1.Vốn đầu tư của CSH (TK 411)	449.628.640.000	449.628.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-393.100.000	-393.100.000
3. Quỹ đầu tư phát triển (TK 414)	421.481.079	421.481.079
4. Vốn Khác của chủ sở hữu	351.818.182	351.818.182
5. Nguồn vốn DTXDCB (TK 441)		
6. Quỹ dự phòng tài chính (TK 415)		
7. Lợi nhuận sau thuế chưa PP	29.982.905.356	62.424.351.372
8. Nguồn kinh phí và quỹ khác	13.577.152.677	

Công ty đã mở sổ sách theo dõi và hạch toán tình hình biến động của vốn chủ theo quy định. Sử dụng vốn đúng mục đích, đã bảo toàn và phát triển vốn.

Vốn chủ sở hữu tăng so với đầu năm: 18 tỷ đồng. Tăng do chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối.

Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn = 81,15% năm 2017 là 85,4%

Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn = 18,85%. Năm 2017 là 14,6%

Khả năng TT hiện thời (TSNH/Nợ NH) = 0,55 lần. Năm 2017 là 0,54 lần

CR (current ratio) của Công ty đạt 0.55 lần mức độ cận an toàn. Mức độ các khoản nợ của các chủ nợ ngắn hạn được trang trải bằng tài sản có thể chuyển thành tiền trong một giai đoạn tương đương với thời gian của các khoản nợ đó.

Tỷ số lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản (ROA) đạt 2,05%. Năm 2017 là 0,91%

Tỷ suất sinh lời/ tổng tài sản hay doanh lợi tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 đạt 2,05%.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn CSH (ROE) đạt 13,87%. Năm 2017 là 6,66%

Chỉ tiêu tỷ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu càng cao là càng tốt cho đơn vị. Được kết hợp với ROA để xem xét đến việc đơn vị sử dụng đòn bẩy tài chính trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên các chỉ tiêu tài chính hoặc sản lượng SX sản phẩm và quy mô tiêu thụ của Công ty phụ thuộc vào hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn nên chỉ phân tích mang tính chất tương đối, phối hợp các chỉ tiêu trong quản trị doanh nghiệp.

Hệ số bảo toàn vốn đạt: 1,1 lần

Vòng quay vốn lưu động 7,8 vòng/năm tăng 3,34 vòng/ năm chủ yếu do nguyên nhân tiêu thụ sản phẩm tốt hơn năm 2017, doanh thu tăng làm tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động

#### **Bố trí cơ cấu vốn:**

Công ty đã huy động và sử dụng vốn huy động đúng mục đích, vốn vay dài hạn để thực hiện đầu tư các công trình XD/CB trong điểm phục vụ sản xuất, đáp ứng nhu cầu mở rộng và tăng năng lực sản xuất của Công ty. Vốn vay ngắn hạn dùng để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến kỳ thanh toán trong thời điểm chưa thu được tiền bán hàng.

Tổng số vốn huy động trong kỳ : 1.685,1 tỷ đồng

Trong đó : Vay chi đầu tư XD/CB : 412,2 tỷ đồng

Vay chi hoạt động sản xuất kinh doanh : 1.272,8 tỷ đồng.

Số dư vốn vay của các tổ chức tín dụng trong kỳ : 1.598,3 tỷ đồng

Vốn vay ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2018: 57 tỷ đồng

Vay dài hạn đến thời điểm 31/12/2017 : 1.541,3 tỷ đồng.

#### **Quản lý tài sản và sử dụng tài sản :**

Tổng cộng tài sản đến 31/12/2018 : 2.718,2 tỷ đồng. Năm 2017 là 3.379,7 tỷ đồng.

Công ty đã tổ chức công tác DT XD/CB, quản lý sử dụng trích khấu hao và nhượng bán tài sản cố định, xử lý hàng hóa, vật tư, phụ tùng hư hỏng, kém phẩm chất. Quản lý công nợ phải thu, phải trả, xử lý tồn thất tài sản theo đúng quy định hiện hành. Công ty đã lập hội đồng xử lý, lập hồ sơ xử lý và thực hiện hạch toán các khoản công nợ không có khả năng thu hồi.

Công ty chấp hành tốt chế độ chính sách và pháp luật Nhà Nước đặc biệt là công tác về tiền lương và các chế độ của người lao động. Các kiến nghị của Chủ sở hữu, kiểm toán, thanh tra và các cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp.

Về cơ cấu tài chính :

Nợ phải trả/tổng nguồn vốn : 81,15%; năm 2017 là 85,4%

Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn : 18,85%; năm 2017 là 14,6%.

Về khả năng thanh toán :

Khả năng thanh toán hiện thời: 5,55 lần ; năm 2017 là 0,54 lần

Hệ số khả năng thanh toán nhanh : 0,42 lần ; năm 2017 là 0,13 lần

Về hiệu quả sử dụng vốn :

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / doanh thu : 1,99%; năm 2017 là 1,32%

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ tổng tài sản : 3,1%; năm 2017 là 1,14%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản : 2,05%; năm 2017 là 0,91%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu : 1,46%; năm 2017 là 1,03%

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu: 16,5%; năm 2017 là 7,8%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu : 13,87%; năm 2017 là 6,07%

Hệ bảo toàn vốn : 1,1 lần

Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 1.388 đồng . Năm 2017 là 667 đồng.

Vòng quay vốn lưu động = 7,8 vòng/năm

Dự kiến năm 2018 phương án chi cổ tức 7% vốn điều lệ. Sau khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông công ty về chi tiêu phân phối lợi nhuận.

Qua một số chỉ tiêu tài chính trên cho thấy năm 2018 Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay. Nợ phải trả chiếm 81,1% tổng nguồn vốn và gấp 4,3 lần vốn chủ sở hữu. Khả năng thanh toán hiện thời 0,55 lần. Công ty bảo toàn được vốn trong niên độ kế toán.

Tóm lại : Ban kiểm soát Công ty thông nhất đánh giá chất lượng báo cáo tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần than Vàng Danh-Vinacomin, đã đảm bảo đúng yêu cầu và mục tiêu Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2018 đề ra. Theo Thông tư 158/TT-BTC và Thông tư số 200/TT-BTC hướng dẫn đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thì Công ty đủ tiêu chuẩn xếp loại A.

#### PHẦN 4

### NHỮNG ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2018, Tập đoàn TKV nói chung và Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Cơ chế chính sách chi đạo của Trung ương đến Chính phủ có nhiều sự thay đổi; đòi hỏi phải đổi mới về quản trị, mô hình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; thị trường tiêu thụ than đổi mới với sự cạnh tranh khốc liệt; diễn biến thời tiết phức tạp, song với tình thần đoàn kết "Kỷ luật và Đồng tâm" dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, sự nỗ lực, cố gắng của CBCN người lao động của Công ty với tinh thần "Chú động - Sáng tạo

- Quyết liệt" Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao cho. Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 công ty tiếp tục xây dựng các giải pháp điều hành và rà soát điều chỉnh, bổ sung các văn bản pháp lý nội bộ phù hợp với hướng dẫn của TKV trong quản lý và điều hành.

Giải pháp trong công tác điều hành : Căn cứ vào các chỉ tiêu trong kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019, Công ty xây dựng các giải pháp điều hành phù hợp với thực tế thị trường hiện nay. Đối mới công nghệ, hoàn thiện cơ cấu tổ chức các đơn vị và các dây chuyền sản xuất trong Công ty phù hợp với điều kiện thực tế.Tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, nâng suất đảm bảo tăng trưởng hiệu quả.

Công tác quản trị chi phí : Khoán và quản lý trên các lĩnh vực( Quản trị tài nguyên, quản trị chi phí, quản lý lao động, tiền lương, quản lý vốn và dòng tiền, công tác thu ngoài...)đảm bảo đời sống người lao động và có hiệu quả cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đầu tư phát triển khoa học công nghệ : Đầu tư công nghệ sản xuất mang tính đồng bộ và trọng điểm lâu dài phát triển sản xuất nhưng đòi hỏi phải phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty đảm bảo công tác an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

Công tác an toàn: Đảm bảo an toàn trong sản xuất nhằm giảm thiểu các vụ tai nạn lao động, cải thiện điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động.

Công tác sáng kiến hợp lý hóa sản xuất : Cần tiếp tục quan tâm và đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh.

Tăng cường sự phối kết hợp giữa Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành để nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo điều hành sản xuất.

Năm 2018 Công ty đã thực hiện tổ chức Ban kiểm soát chuyên trách(Từ Đại hội đồng cổ đông 22/4/2016). Các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy chế hoạt động một cách trung thực, cần trong và khách quan nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

Trung thành với lợi ích của Công ty và các Cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức các nhân khác.

Năm 2018 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ các Cổ đông về tình hình hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và bộ phận quản lý khác trong Công ty.

Có được kết quả đó, ngoài sự cố gắng của mỗi thành viên trong ban còn có sự ủng hộ của, hỗ trợ, động viên của ban lãnh đạo Công ty, sự cộng tác của các Cổ đông và các phòng ban quản lý trong Công ty. Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn sự phối kết hợp của các

Quý vị và hy vọng năm 2019 Ban kiểm soát Công ty sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của các quý vị để Ban hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Phòng CNTT (Đăng trên Website)
- Lưu VT

**TMBAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**  
**TRƯỜNG BAN**



Trần Thị Vân Anh

Quý vị và hy vọng năm 2019 Ban kiểm soát Công ty sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của các quý vị để Ban hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn./.

quỹ: VT/G

ngày 04/10/2018

STT	Mã tài khoản	Tên tài khoản	Đơn vị	Loại tài khoản	Đơn vị	Loại tài khoản	Đơn vị	Loại tài khoản
01	810101	81010101	81010101	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
02	810102	81010201	81010201	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
03	810103	81010301	81010301	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
04	810104	81010401	81010401	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
05	810105	81010501	81010501	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
06	810106	81010601	81010601	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
07	810107	81010701	81010701	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
08	810108	81010801	81010801	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
09	810109	81010901	81010901	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
10	810110	81011001	81011001	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
11	810111	81011101	81011101	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
12	810112	81011201	81011201	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
13	810113	81011301	81011301	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
14	810114	81011401	81011401	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
15	810115	81011501	81011501	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
16	810116	81011601	81011601	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
17	810117	81011701	81011701	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
18	810118	81011801	81011801	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
19	810119	81011901	81011901	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ
20	810120	81012001	81012001	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ	quỹ

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 04 năm 2018

**BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**

Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua (chi tiết xem trên website của Công ty).

Nội dung báo cáo tài chính tóm tắt như sau:

**I. Bảng cân đối kế toán:**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số dư đầu kỳ 01/01/2018	Số dư cuối kỳ 31/12/2018	SS 2018/20 17	% tăng, giảm
I	Tài sản ngắn hạn :	đồng	662.571.979.270	431.265.073.038	65	(35)
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	đồng	7.893.653.743	14.745.096.129	187	87
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	đồng		0		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	đồng	152.476.482.969	287.089.706.974	188	88
4	Hàng tồn kho	đồng	496.519.336.262	100.501.489.222	20	(80)
5	Tài sản ngắn hạn khác	đồng	5.682.506.296	28.928.780.713	509	409
II	Tài sản dài hạn	đồng	2.717.106.645.549	2.286.911.023.975	84	(16)
1	Các khoản phải thu dài hạn	đồng	41.928.828.298	37.532.414.663	90	(10)
2	Tài sản cố định	đồng	2.073.727.685.997	1.724.671.204.317	83	(17)
	Tài sản cố định hữu hình	đồng	2.047.045.815.815	1.699.333.073.482	83	(17)
	Tài sản cố định vô hình	đồng	376.129.630	328.862.287	87	(13)



	Tài sản cố định thuê tài chính	đồng		0			
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	đồng	26.305.740.552	25.009.268.548	95.07	(5)	
3	Bất động sản đầu tư	đồng			0		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	đồng			0		
5	Tài sản dài hạn khác	đồng	601.450.131.254	524.707.404.995	87	(13)	
III	Tổng cộng tài sản	đồng	3.379.678.624.819	2.718.176.097.013	80	(20)	
IV	Nợ phải trả	đồng	2.886.109.727.525	2.205.742.906.380	76	(24)	
1	Nợ ngắn hạn	đồng	1.235.126.231.910	781.239.784.171	63	(37)	
2	Nợ dài hạn	đồng	1.650.983.495.615	1.424.503.122.209	86	(14)	
V	Vốn chủ sở hữu	đồng	493.568.897.294	512.433.190.633	103,82	3,82	
1	Vốn chủ sở hữu	đồng	479.991.744.617	512.433.190.633	107	7	
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	đồng	449.628.640.000	449.628.640.000	100	-	
	- Thặng dư vốn cổ phần	đồng	-393.100.000	-393.100.000	100	-	
	- Vốn khác của chủ sở hữu	đồng	351.818.182	351.818.182	100	-	
	- Cổ phiếu quỹ	đồng			0		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	đồng			0		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	đồng			0		
	- Quỹ đầu tư phát triển	đồng	421.481.079	421.481.079	100	-	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	đồng	29.982.905.356	62.424.351.372	208	108	
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	đồng			0		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	đồng	13.577.152.677		0	0 (100)	
	- Nguồn kinh phí	đồng					
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản	đồng	13.577.152.677		0		
VI	Tổng cộng nguồn vốn	đồng	3.379.678.624.819	2.718.176.097.013	80	(19,57)	

## II. Kết quả hoạt động SXKD

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	SS 2018/2017	% tăng, giảm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	2.915.588.114.627	4.267.181.641.149	146	46
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	đồng				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	2.915.588.114.627	4.267.181.641.149	146	46
4	Giá vốn hàng bán	đồng	2.500.456.214.405	3.811.372.716.663	152	52
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	415.131.900.222	455.808.924.486	110	10
6	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	887.039.364	1.007.958.515	114	14
7	Chi phí tài chính	đồng	161.011.509.374	182.434.013.907	113	13
8	Chi phí bán hàng	đồng	4.688.388.725	9.861.534.083	210	110
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	207.359.885.540	156.874.348.741	76	(24)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	42.959.155.947	107.646.986.270	251	151
11	Thu nhập khác	đồng	1.984.694.489	6.135.750.115	309	209
12	Chi phí khác	đồng	6.261.567.573	28.526.363.979	456	356
13	Lợi nhuận khác	đồng	-4.276.873.084	-22.390.613.864	524	424
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	38.682.282.863	85.256.372.406	220	120
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	đồng	8.430.285.481	31.682.903.604	376	276

16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	đồng	269.092.026	(8.850.882.570)	-3.289	(3.389)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng	29.982.905.356	62.424.351.372	208	108
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP)	đồng	667	1.388	208	108
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (đồng/ 1 CP)	đồng	400	700	175	75

### III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ báo cáo (2017)	Kỳ báo cáo (2018)	SS 2018/2017	% tăng, giảm
1	Cơ cấu tài sản					
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	80,40	84,13	104,65	4,65
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	19,60	15,87	80,93	(19,07)
2	Cơ cấu nguồn vốn					
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	85,40	81,15	95,03	(4,97)
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	14,60	18,85	129,09	29,09
3	Khả năng thanh toán					
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,13	0,42	314,92	214,92
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,54	0,55	102,91	2,91
4	Tỷ suất lợi nhuận					
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,91	2,05	224,99	124,99
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,03	1,46	142,25	42,25

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,66	13,87	208,27	108,27
--	---	------	-------	--------	--------

**IV. Chỉ tiêu khác**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
	Lương + thù lao của HĐQT, BSK và người quản lý Công ty ( Có bảng chi tiết kèm theo )	đồng	3.561.450.000	4.250.220.000

Kinh trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./ *BVL*

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

  
**CHỦ TỊCH**  
 Phạm Công Hương

20.1	20.101	61.88	08.08	8%	
(20.2)	20.208	78.21	06.01	8%	
(20.3)	20.302	21.18	08.28	8%	
20.95	20.951	28.21	02.24	8%	
20.115	20.115	04.0	01.0	8%	
19.1	19.101	22.0	02.0	8%	
20.121	20.121	10.0	10.0	8%	

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05 / BC - DHCPD

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
Về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018

Kính gửi: Quý vị cổ đông,

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về vốn đầu tư nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Quy chế tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 3977/QĐ-TVD-HDQT ngày 28/10/2016 của HĐQT Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

Căn cứ văn bản số 201/TKV-KS ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức trả cổ tức hàng năm; Văn bản số 1131/TKV-KS ngày 13/03/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2018 của Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin (Số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức cổ tức năm 2018 như sau:

- (1) Tổng lợi nhuận trước thuế : 85.256.732.406 đồng
- (2) Nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp : 31.682.903.604 đồng

- (3) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : - 8.850.882.570 đồng
- (5) Lợi nhuận còn lại sau khi đã nộp thuế TNDN : 62.424.351.372 đồng
  - (a) Trả cổ tức 7% trên vốn điều lệ : 31.474.004.800 đồng.
  - (b) Lợi nhuận sau khi chi trả cổ tức còn lại là : 30.950.346.572 đồng
    - Trích 0% quỹ đầu tư phát triển sản xuất : 0 đồng
    - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 30.419.069.072 đồng
    - Trích quỹ thương mại chức quản lý doanh nghiệp : 531.277.500 đồng

Kinh trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./

- Nơi nhận:
- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
Phạm Công Hương

*(Faint, mostly illegible text from the reverse side of the page, including financial data and company information.)*

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**

Thông qua kết quả chi trả thù lao cho thành viên kiêm nhiệm HĐQT; BKS Công ty năm 2018, Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên HĐQT; BKS Công ty năm 2019

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

**I. Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018**

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã thông qua phương án chi trả thù lao các thành viên HĐQT, và Ban Kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm, HĐQT đã thực hiện đúng Nghị quyết đề ra, kết quả chi trả thù lao các thành viên như sau:

Mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát kiêm nhiệm

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2018	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	8.640.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	7.643.000 đ/ tháng	
3.	Thành viên Ban kiểm soát	6.978.000 đ/tháng	

Tổng số tiền chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2018 là: 638.030.000 đồng.

Trong đó:

- Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên HĐQT: 470.547.000 đồng;
- Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên BKS : 167.483.000 đồng.

**II. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2019**

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có phần, vốn góp chi phối của nhà Nước;

Căn cứ chi tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019 đã trình trước Đại hội, Hội đồng quản trị Công ty đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS kiêm nhiệm như sau:

Mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát kiêm nhiệm:

Công ty trả bằng 20% mức lương kế hoạch của các chức danh người quản lý tương ứng theo quy định, cụ thể:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2019	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	7.800.000 đ/tháng	
2.	Thành viên HĐQT	6.900.000 đ/tháng	
3.	Thành viên Ban kiểm soát	6.300.000 đ/tháng	

Thay mặt HĐQT tôi xin trình trước Đại hội.

Xin ý kiến của Đại hội./

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cô đồng
- Lưu: VP, TKCT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Công Hương**

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2019	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	7.800.000 đ/tháng	
2.	Thành viên HĐQT	6.900.000 đ/tháng	
3.	Thành viên Ban kiểm soát	6.300.000 đ/tháng	



TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07 / BC- DHCPD

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
Về việc đề xuất mức cổ tức năm 2019

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ văn bản số 1131/TKV-TCNS ngày 13/03/2019 của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Căn cứ vào dự báo nhu cầu tiêu thụ than của thị trường và giá bán than xuất khẩu năm 2019 và kế hoạch SXKD của Công ty. Năm 2019, Công ty sản xuất 3,15 triệu tấn than nguyên khai, tiêu thụ 2,677 triệu tấn, doanh thu dự kiến đạt 3.933.043 triệu đồng, lợi nhuận dự kiến 52.794 triệu đồng.

Với tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty đề xuất Kế hoạch cổ tức năm 2019 dự kiến là 8%.

Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2019 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019.

Xin ý kiến của Đại hội!.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP, TKCT



**CHỦ TỊCH**

Phạm Công Hương



TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/TT- ĐHCĐ

Quang Ninh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
Về việc huy động vốn phục vụ kế hoạch SXKD năm 2019

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Năm 2019, Công ty đặt mục tiêu sản xuất 3,15 triệu tấn than nguyên khai; đào 30.780 mét lò; bóc xúc đất đá 2.130.000 m<sup>3</sup>; đầu tư xây dựng 407.911 triệu đồng; doanh thu 3.933.043 triệu đồng.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên cần thiết phải huy động vốn để phục vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty, nhu cầu về vốn như sau:

1. Huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án: 351,518 tỷ đồng (chi tiết huy động vốn cho từng dự án kèm theo);
2. Huy động vốn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 146,3 tỷ đồng;
3. Huy động vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2019: Nhu cầu vốn ngắn hạn (vốn lưu động) bình quân một tháng: 318,28 tỷ đồng.

Kính trình đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và giao cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ phương án huy động vốn, kế hoạch đầu tư xây dựng được Tập đoàn TKV duyệt hoặc kế hoạch điều chỉnh hoặc bổ sung đề chủ động quyết định các phương án vay vốn phù hợp với quy định của Pháp luật.

Xin ý kiến của Đại hội./ *ĐHH*

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT





**PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN CHO DỰ ÁN**

(kèm theo Báo cáo số 08 về việc huy động vốn phục vụ kế hoạch SXKD năm 2019)

TT	Tên dự án	Nguồn vốn (Triệu đồng)		
		Vốn vay	Vốn CSH	Cộng
A	Trả nợ khối lượng năm trước	4.545	2.105	6.650
1	Dự án đầu tư khai thác phân lò giéng mức 00--:175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh, Công ty Than Vàng Danh		2.105	2.105
-	Chi phí lập TKKT-TDDT dự án điều chỉnh			
2	Dự án ĐTXD công trình nhà máy tuyển Vàng Danh II	4.545		4.545
-	Gói EPC-Gói số 7			
B	Kế hoạch thực hiện	346.973	60.938	407.911
I	Công trình chuyển tiếp	77.754	19.765	97.519
1	Đầu tư xây dựng nhà trạm quạt mức +215 Khu Cảnh gà	31.320	4.216	35.536
2	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp Cầu Lán Thấp	2.497	455	2.952
3	Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2018		333	333
4	Dự án đầu tư thiết bị tăng năng lực sản xuất năm 2018	43.937	14.761	58.698
II	Công trình khởi công mới	15.059	2.975	18.034
1	Đầu tư dự án cải tạo công nghệ nhà máy tuyển than Vàng Danh 1	15.059	2.975	18.034
III	Chuẩn bị Dự án	0	9.371	9.371
1	Dự án khai thác hầm lò phân lò giéng mức -50--:175 khu Cảnh Gà, mỏ than Vàng Danh		3.130	3.130
2	Dự án cải tạo mở rộng khai thác lò thiên V4--:V8a, Mỏ than Vàng Danh		3.602	3.602
3	Bảo cáo NCKT đầu tư áp dụng công nghệ cơ giới hoá khâu than mỏ than Vàng Danh		497	497
4	Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020		350	350

5	Dự án đầu tư hệ thống giám sát điều khiển tập trung		450	450
6	Đầu tư tuyến băng tải 5017 cửa giếng +110 về nhà máy tuyến Vàng Danh 1		200	200
7	Đầu tư hệ thống điều hoà trung tâm sử dụng năng lượng hơi bão hoà khu Cảnh Gà		387	387
8	Đầu tư công trình đường dây trần 6kV (AC-120) L=1200m/tuyến; từ trạm 35CG-:- cửa lò +130 Cảnh Gà		155	155
9	Đầu tư xây dựng công trình nhà chờ, nhà để xe máy và bãi quay xe khu Vàng Danh		200	200
10	Đầu tư xây dựng công trình kho vật tư tổng hợp 1		200	200
11	Dự án đầu tư máy combai đào lò-Công ty CP Than Vàng Danh		200	200
IV	Dự phòng	254.160	28.827	282.987
1	Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2019	74.455	7.745	82.200
2	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào lò năm 2019	59.818	6.192	66.010
3	Dự án đầu tư thiết bị, hạ tầng để tiếp nhận, vận chuyển than từ khu vực Đông Vàng-Cty Than Ưông Bí-TKV đang nhà máy tuyến Vàng Danh II	9.929	1.851	11.780
4	Đầu tư xây dựng nhà giao ca trung tâm Vàng Danh	13.148	1.653	14.801
5	Đầu tư hệ thống tự động hóa tuyến băng tải khu giếng Vàng Danh và trạm quạt gió chính	36.218	3.982	40.200
6	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống điều khiển và tự động hóa Nhà máy tuyến Vàng Danh 1	13.636	1.474	15.110
7	Đầu tư tuyến băng tải từ băng tải 5017 cửa giếng +110 về nhà máy tuyến Vàng Danh 1	11.226	1.538	12.764
8	Đầu tư hệ thống điều hoà trung tâm sử dụng năng lượng hơi bão hoà khu cảnh gà	11.250	1.179	12.429

9	Đầu tư công trình đường dây trần 6kV (AC-120) L=1200m/huyện; từ trạm 35CG-: cửa lò +130 Cánh gà	3.511	516	4.027
10	Đầu tư xây dựng công trình nhà chờ, nhà để xe máy và bãi quay xe khu Vàng Danh	9.971	1.289	11.260
11	Đầu tư xây dựng công trình kho vật tư tổng hợp 1	10.998	1.408	12.406
	<b>Tổng số</b>	<b>351.518</b>	<b>63.043</b>	<b>414.561</b>





TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/TT- DHCD

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TKV ngày 20/07/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thay đổi người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết số Số: 26/2018/NQ-HDQT ngày 28/07/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HDQT và bầu bổ sung thành viên HDQT thay thế.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị; đồng ý cho thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin đối với ông Phan Xuân Thủy kể từ ngày 01/08/2018 theo đề nghị của Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam.

2. Bầu ông Phạm Văn Minh - Giám đốc Công ty Than Mạo Khê - TKV tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/08/2018.

Xin ý kiến của Đại hội: MI

Nơi nhận:

- HDQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP, TKCT



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương



TẬP ĐOÀN CN THANH-KS VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH- VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 02 /BC - BKS

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2019

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập**  
**Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2019**

Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc Hội thông qua;  
Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần than Vàng Danh-  
VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát;  
Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội về việc nhận hồ sơ năng lực và lựa chọn  
một số Công ty kiểm toán độc lập có đủ điều kiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của  
Công ty như sau:

**Thu nhận hồ sơ năng lực:**

Đến ngày 31 tháng 3 năm 2019 Ban kiểm soát nhận được 03 số hồ sơ giới thiệu năng  
lực nhằm tham gia công tác kiểm toán tài chính tại Công ty năm 2019.

Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam

Công ty TNHH PKF Việt Nam

**Tên các công ty kiểm toán lựa chọn: Công ty TNHH PKF Việt Nam**

**Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Quận Thanh Xuân- Thành phố  
Hà Nội.**

**Nội dung kiểm toán: Kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2019 và các nội dung  
kiểm toán khác của Công ty.**

**Ban kiểm soát xin đề xuất Đại hội lựa chọn Công ty kiểm toán sau:**

Công ty TNHH PKF Việt Nam là một trong những công ty được Ủy ban chứng khoán  
Nhà nước chấp thuận cho tổ chức kiểm toán độc lập và được kiểm toán cho đơn vị có lợi  
ích công chúng thuộc lĩnh vực kiểm toán năm 2019 theo Quyết định số 1035/QĐ/UBCK  
ngày 20/11/2018.

Quyết định số 2155/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ tài chính về việc chấp thuận cho  
Công ty TNHH PKF Việt Nam và danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán cho  
đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019.

Ban kiểm soát xét thấy Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị có đủ năng lực cung cấp  
dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính và nội dung kiểm toán khác năm  
2019 cho Công ty đảm bảo mọi quy định theo Nghị định số 17/2012/NĐ-CP của Chính  
phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật kiểm toán độc lập.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình các Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận :

**T/M BAN KIỂM SOÁT**

HDQT, BKS

**TRƯỜNG BAN**

Các cổ đông

Lưu VP.



*Trần Thị Văn Anh*

